

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29/06/2000;
- Căn cứ Quyết định số 4125/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 18/10/2022 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Á Châu Quy định (sửa đổi, bổ sung) về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- Căn cứ Nghị quyết số 1661/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 05/06/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Á Châu về Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) nhiệm kỳ 2023-2028;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- Căn cứ nhu cầu công việc.

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Hội đồng thành viên nhất trí phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế Công bố thông tin (sửa đổi, bổ sung) của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 03/NQ-HĐTV-ACBS.24 ngày 15/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- Điều 3.** Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Kiểm soát viên (để báo cáo)
- Như Điều 3;
- Lưu: Phòng HCTH, Thư ký Công ty

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



ĐỖ MINH TOÀN

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐTV-ACBS.24 ngày 16 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB)

## Điều 1. Mục đích

Quy chế này nhằm thống nhất hoạt động Công bố thông tin tại ACBS, là cơ sở để phân định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện hoạt động Công bố thông tin tại ACBS, đồng thời cũng là cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá để hoàn thiện hoạt động Công bố thông tin theo yêu cầu nội bộ ACBS, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

## Điều 2. Phạm vi áp dụng

- 2.1. Quy chế này quy định việc thực hiện hoạt động công bố thông tin tại ACBS.
- 2.2. Quy chế Công bố thông tin này áp dụng cho tất cả Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, các Phòng/ đơn vị tại Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch và toàn bộ nhân viên của Công ty.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

- 3.1. **UBCKNN** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3.2. **SGDCK** là Sở Giao dịch chứng khoán, bao gồm: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc các Công ty con của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (nếu có).
- 3.3. **ACBS** hoặc **Công ty** là Công ty TNHH chứng khoán ACB.
- 3.4. **Quy chế** là Quy chế Công bố thông tin của ACBS.
- 3.5. **Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Quy chế này.
- 3.6. **Người nội bộ của ACBS là:**
  - a. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng thành viên;
  - b. Thành viên Hội đồng thành viên;
  - c. Kiểm soát viên (Trưởng ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát...);
  - d. Người đại diện theo pháp luật;
  - e. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Chủ sở hữu/ Hội đồng thành viên bổ nhiệm;
  - f. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;



- g. Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ;
  - h. Thư ký công ty;
  - i. Người phụ trách quản trị công ty;
  - j. Người được ủy quyền công bố thông tin.
- 3.7. **Người có liên quan** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong trường hợp sau:
- a. ACBS và người nội bộ của ACBS;
  - b. ACBS và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
  - c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - e. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
  - f. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - g. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 3.8. **Ngày công bố thông tin** là ngày gửi fax, gửi email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- 3.9. **Người thực hiện công bố thông tin** là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.

#### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

- 4.1. Việc thực hiện công bố thông tin (“CBTT”) phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 4.2. Việc CBTT của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện (“Người CBTT”). Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người CBTT đều vắng mặt thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

- 4.3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin và các tài liệu khác (nếu có);
- 4.4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 4.5. Trường hợp công bố thông tin bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4.4 Điều này và cá nhân có thông tin không muốn công khai các thông tin nói trên thì cá nhân này phải gửi đến Người thực hiện CBTT 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Người thực hiện CBTT gửi UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin theo quy định.

#### **Điều 5. Yêu cầu của việc Công bố thông tin**

- 5.1. CBTT phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu quy định bởi các cơ quan chức năng và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu tại từng thời điểm, đối với công bố thông tin bằng văn bản phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền ký văn bản.
- 5.2. Việc CBTT phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- 5.3. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố và phải được thực hiện đồng thời trên các phương tiện CBTT quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Quy chế.
- 5.4. Ngôn ngữ thông tin công bố.

Ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt. ACBS thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **Điều 6. Phương tiện và hình thức Công bố thông tin**

##### **6.1. Các phương tiện CBTT**

Việc CBTT được thực hiện qua một, một số hoặc toàn bộ các phương tiện sau:

- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN: hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu của công ty chứng khoán (SCMS), trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

- Trang thông tin điện tử của SGDCK: hệ thống quản lý báo cáo và công bố thông tin của SGDCK Hà Nội và SGDCK Việt Nam (CIMS), SGDCK TP.Hồ Chí Minh (ECM), trang thông tin điện tử của SGDCK và phương tiện công bố thông tin khác theo quy chế của SGDCK;
- Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Trang thông tin điện tử (Website) của ACBS;
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, v.v.).

## 6.2. Hình thức Công bố thông tin

- a. Các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT được thực hiện bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK tại từng thời điểm, theo đó:
  - Văn bản giấy là bản in ra giấy có ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký của Người CBTT/ Người có thẩm quyền và được đóng dấu của Công ty;
  - Văn bản điện tử là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Các văn bản điện tử có sử dụng chứng thư số để ký trước khi đính kèm vào thư điện tử (email) có giá trị thay thế cho Văn bản giấy;
- b. Việc CBTT thực hiện qua phần mềm công bố thông tin theo quy định của UBCKNN/SGDCK tại từng thời kỳ. Các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện báo cáo CBTT thông qua phần mềm báo cáo CBTT phải đảm bảo nguyên tắc:
  - Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu để CBTT đến UBCKNN/SGDCK;
  - Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN/ SGDCK.
- c. Địa chỉ email đăng ký nhận thông tin và gửi báo cáo CBTT cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: [cbtt@acbs.com.vn](mailto:cbtt@acbs.com.vn).

## Điều 7. Quy định về trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

ACBS thực hiện CBTT thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty

- 7.1. Địa chỉ trang thông tin điện tử chính thức (website) để CBTT: <http://www.acbs.com.vn>.
- 7.2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo cho UBCKNN, các Sở GDCK trong thời hạn 03 ngày làm việc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.
- 7.3. Website của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan đến các nội dung này.
- 7.4. Website của Công ty phải công bố các thông tin sau:

- Điều lệ công ty;
- Quy chế công bố thông tin;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có);
- Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có);
- Bản cáo bạch (nếu có);
- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- 7.5. Website của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- 7.6. Các CBTT định kỳ, bất thường và theo yêu cầu phải được gửi cho Phòng Pháp chế để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và các phương tiện CBTT khác theo quy định của pháp luật và quy định của ACBS trong từng thời kỳ.
- 7.7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, thực hiện công bố thông tin trên Website của Công ty trước và sau đó thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

#### **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

- 8.1. ACBS phải báo cáo cho UBCKNN và SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng (như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...), trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố việc tạm hoãn công bố thông tin.
- 8.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, ACBS phải thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố**

ACBS có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, cụ thể:

- 9.1. Các thông tin công bố định kỳ được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của ACBS tối thiểu là 05 năm.
- 9.2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của ACBS tối thiểu là 05 năm.

#### **Điều 10. Xử lý vi phạm**

Bất kỳ cá nhân nào có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này phải chịu trách nhiệm và/hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định pháp luật.



## **Điều 11. Sửa đổi, bổ sung**

- 11.1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên xem xét và quyết định.
- 11.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động công bố thông tin của ACBS mà chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật mà khác với điều khoản trong Quy chế này thì quy định mới của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin tại ACBS ./.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



*Đỗ Minh Toàn*